

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/03/2025

“V/v tranh chấp xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Ông **Danh On**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Đỗ Minh Hoàng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông **Danh Đạt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 260/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Trần Mỹ H**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 346 đường P, phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(*Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Trần Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2020 và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 23/03/2020. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu tiên (đến khoảng năm 2021) thì cả hai bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bà H và ông T thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và đến khoảng tháng 7 năm 2023 dương lịch thì bà H và ông T ly thân cho đến nay. Nay bà H nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H xác định, quá trình chung sống vợ chồng bà H, ông T không có con chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên

bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn ông Trần Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần đến nơi cư trú của ông T để tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với ông T tuy nhiên ông T không có mặt tại địa phương. Qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết ông Trần Văn T hiện tại không có mặt tại địa phương nhưng ông T vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và ông T vẫn có đi và về địa phương nhưng không biết chính xác khi nào ông T về. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Trần Văn T chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Trần Mỹ H. Cho bà H được ly hôn với ông Trần Văn T. Về con chung: Bà H xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung do đó không đặt ra xem xét. Về tài sản: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra bà H còn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Trần Mỹ H khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Trần Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông T căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Trần Mỹ H và ông Trần Văn T, thấy rằng:

Bà H và ông T có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 23/03/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà H xác định sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được

khoảng 01 năm (đến khoảng năm 2021) thì cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bà H và ông T thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và đến khoảng tháng 7 năm 2023 thì bà H và ông T sống ly thân cho đến nay.

Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T, tuy nhiên việc bà H và ông T sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 7 năm 2023 đến nay là có xảy ra trên thực tế vì được chính quyền địa phương nơi bà H và ông T sinh sống trước đây là khóm 3, phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xác nhận. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà H với ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Trần Mỹ H, cho bà Nguyễn Trần Mỹ H được ly hôn với ông Trần Văn T.

[4] Về con chung: Bà H xác định vợ chồng bà H, ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Trần Mỹ H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Ông Trần Văn T không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 05 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Trần Mỹ H. Cho bà Nguyễn Trần Mỹ H được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Trần Mỹ H và ông Trần Văn T không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Bà Nguyễn Trần Mỹ H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Trần Mỹ H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0007933 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện H (2b);
- CC.THADS huyện H (1b);
- UBND phường X, Tp. Sóc Trăng (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh